

V, tỉnh Quảng Trị. Bà V1 có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn K1: ông **Hồ Văn T1** (theo văn bản ủy quyền ngày 26/6/2019). Ông T1 có mặt.*

- Ông **Hoàng Văn H2** và ông **Hoàng Văn H3**; cùng địa chỉ: Khóm K, thị trấn B, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Ông H2, ông Hoá vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn H2 và ông Hoàng Văn H3: Ông **Hoàng Văn H** (Giấy ủy quyền ngày 05 tháng 10 năm 2018). Ông H có mặt.*

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Hồ Văn K1 và bà Đinh Thị V1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2018, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa người bị kiện ông Hoàng Văn H và bà Trần Thị T trình bày:

Ngày 19/10/2011, Ủy ban nhân dân huyện V ban hành quyết định số 1381/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình tại thị trấn B, trong đó ngày 06/5/2011, Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 430774 cho hộ ông H, bà T với diện tích là 2.515 m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 430330 cho hộ ông K1, bà V1 với diện tích là 1.058 m².

Ngày 04/6/2013, UBND huyện V ban hành quyết định 1898/QĐ- UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H, bà T và hộ ông K1, bà V1 với lý do: Trong quá trình đo đạc không thực hiện đúng quy trình dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng ranh giới sử dụng đất theo hiện trạng thực tế.

Ngày 21/10/2016, ông H, bà T mới biết được ngày 19/4/2016, UBND huyện V đã cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 308896 cho ông K1, bà V1 với diện tích là 1.114 m² chồng lấn lên phần diện tích đất hộ ông H, bà T đang sử dụng.

Hộ ông H, bà T đã nhiều lần có đơn khiếu nại gửi đến UBND huyện V, nhưng UBND huyện V không giải quyết. Ngày 05/10/2017 UBND huyện V có công văn số 1278/UBND-BTCD trả lời đơn khiếu nại của ông H.

Ông Hoàng Văn H, bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy quyết định số 1898/QĐ - UBND ngày 04/6/2013 của UBND huyện V về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện V cấp ngày 19/10/2011 cho hộ ông Hoàng Văn H, bà Trần Thị T.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 308896 ngày 19/4/2016 do UBND huyện V cấp cho ông Hồ Văn K1 và bà Đinh Thị V1.

Người bị kiện UBND huyện V trình bày:

Ngày 19/10/2011, Ủy ban nhân dân huyện V ban hành quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình tại thị trấn B, trong đó cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 430774 cho hộ ông H, bà T với diện tích là 2.515 m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC430330 hộ ông K1, bà V1 với diện tích 1.058 m².

Ngày 27/3/2012, ông K1, bà V1 đề nghị xác định lại ranh giới sử dụng đất của 2 hộ gia đình do đo đạc lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng ranh giới sử dụng đất của 02 hộ.

Ngày 04/6/2013, UBND huyện V ban hành Quyết định 1898/QĐ- UBND về việc thu hồi, hủy bỏ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 430774 và BC 430330 của 02 hộ ông H, bà T và hộ ông K1, bà V1 với lý do: Trong quá trình đo đạc không thực hiện đúng quy trình dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng ranh giới sử dụng đất theo hiện trạng thực tế. Sau khi nhận quyết định trên hộ ông H, bà T không có khiếu nại hay khởi kiện quyết định hành chính.

Ngày 07/11/2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND thị trấn B tiến hành thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng hộ ông H không nộp với lý do đã thế chấp. Ngày 19/12/2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường ban hành thông báo hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông H, bà T.

Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 308896 ngày 19/4/2016 cho ông K1, bà V1, căn cứ vào Luật đất đai năm 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2014; Thông tư số 09/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007. UBND thị trấn B căn cứ vào Thông tư số 09/2007/TT-

BTNMT ngày 02/8/2007 tiến hành lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trình cấp có thẩm quyền xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì tranh chấp đất đai giữa 02 hộ kéo dài từ năm 2012 đến ngày 19/4/2016 khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông K1, bà V1. Giai đoạn chuyển tiếp giữa Luật đất đai năm 2003 và Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực nên Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn UBND thị trấn B áp dụng Thông tư 09/2007/TT-BTNMT ngày 2/8/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường việc lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính là chưa chính xác.

Ngày 06/11/2015, UBND thị trấn B gửi Thông báo số 38/TB-UBND về việc niêm yết công khai kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của hộ ông K1, bà V1 đến hộ ông H, bà T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 09/11/2015 đến ngày 23/11/2015.

Ngày 01/11/2015, UBND thị trấn B gửi Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và phiếu xác nhận kết quả đo đạc cho hộ ông H, bà T. Ngày 06/11/2015 hộ ông H, bà T nhận, nhưng không có khiếu nại gì.

Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn K1 và bà Đinh Thị V1 (V2) trình bày:

Đồng ý như ý kiến của UBND huyện V về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K1, bà V1 là đúng quy định của pháp luật và theo hiện trạng thực tế sử dụng, sau đó ông K1, bà V1 xây tường rào, nhưng phía bên kia tường rào còn đất của ông K1, bà V1 là 80cm để bảo vệ tường rào. Vì vậy, ông K1, bà V1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H2 và ông Hoàng Văn H3:

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T. Việc UBND huyện V ban hành Quyết định 1898/QĐ - UBND ngày 04/6/2013 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/4/2016 cho ông K1, bà V1 không đúng theo quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ ông H, bà T. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện giữ nguyên quyết định hành chính.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HCST ngày 25-10-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ vào quy định Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013; điểm c khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 176 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, bà Trần Thị T, tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 308896 ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Hồ Văn K1, bà Đinh Thị V1 (V2) diện tích đất 1.114 m².

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, bà Trần Thị T về yêu cầu hủy quyết định số 1898/QĐ - UBND ngày 04/6/2013 của UBND huyện V về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 430774 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 19/10/2011 cho hộ ông Hoàng Văn H, bà Trần Thị T.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ ông Hoàng Văn H, bà Trần Thị T diện tích đất 2.497m² và ông Hồ Văn K1, bà Đinh Thị V1 (V2) diện tích đất 1.091m² mà hiện trạng thực tế các hộ đang sử dụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết về phần án phí, lệ phí Tòa án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, ông Hồ Văn K1 và bà Đinh Thị V1 kháng cáo cho rằng việc UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số CD 308896 cho gia đình

tôi là đúng quy định, yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy một phần bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của TAND tỉnh Quảng Trị theo hướng hủy phần quyết định hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 308896 ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Hồ Văn K1, bà Đinh Thị V1 (V2).

Phía người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị không kháng cáo. Tại văn bản số 276/UBND-BTCD ngày 20/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị (do Chủ tịch UBND huyện ký) đã khẳng định: Ủy ban nhân dân huyện hoàn toàn đồng ý với nội dung quyết định tại bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính trong đoạn giải quyết phúc thẩm và đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn K1 và bà Đinh Thị V1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị vắng nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Trần Thị T vắng nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Do đó, hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 225 Luật tổ tụng hành chính như đề nghị của Kiểm sát viên và các đương sự có mặt tại tòa.

[2] Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên đơn khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn K1 (ủy quyền cho ông Hồ Văn T1) và bà Đinh Thị V1 có kháng cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn K1 và bà Đinh Thị V1 cho rằng UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông bà là đúng, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy một

phần bản án hành chính sơ thẩm về phần huỷ GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 308896 ngày 19/4/2016 của UBND huyện V, tỉnh Quảng Trị cấp cho ông K1, bà V1.

[3] Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ số CD 308896 ngày 19/4/2016 của UBND huyện V:

Về thẩm quyền: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013, UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số CD 308896 ngày 19/4/2016 cho ông K1, bà V1 là đúng thẩm quyền.

Về trình tự thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện thừa nhận quá trình làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ ông K1 bà V1, UBND huyện V đã hướng dẫn UBND thị trấn B căn cứ Luật đất đai năm 2003, thông tư 09/2007/TT-BTNMT ngày 2/8/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường là chưa chính xác. Tại thời điểm này cần phải áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

Đơn xin cấp GCNQSDĐ của ông K1 bà V1; phiếu lấy ý kiến khu dân cư của khóm K; biên bản họp Hội đồng giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị trấn B hợp thức hoá cùng ngày 8/01/2016 (BL 113, 115).

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc niêm yết kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại UBND cấp xã và khu vực dân cư nơi có đất, có tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày nhưng UBND thị trấn B chỉ thông báo niêm yết kết quả kiểm tra hồ sơ tại thị trấn B (BL 118). Không tiến hành niêm yết kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại khóm K nơi có đất và tài sản gắn liền với đất là không đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm (BL 286, 290) đại diện Ủy ban nhân dân huyện V thừa nhận không có chứng cứ gì chứng minh đã niêm yết. Mặt khác, tại thông báo số 38/TB-UBND ngày 6/11/2015 (BL 123) thông báo của Ủy ban nhân dân thị trấn B thông báo về việc niêm yết công khai kết quả đo đạc thửa đất của ông K1 bà V1 có ghi gửi ông H bà T nhưng phía ông H, bà T khai không nhận được

và phía Ủy ban cũng không chứng minh được đã gửi văn bản này cho ông H bà T những sai sót đó làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H bà T.

[4] Xét nội dung cấp GCNQSDĐ số CD 308896 ngày 19/4/2016 cho ông K1 bà V1, thấy rằng: Về nguồn gốc sử dụng đất, theo sổ mục kê, sổ địa chính, danh sách chủ sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính năm 2011, bản đồ thị trấn B năm 2010 đều thể hiện hộ ông H, bà T sử dụng diện tích 2.515m² đất, còn ông K1 bà V1 sử dụng 1.058m² đất.

Tại đơn xin cấp GCNQSDĐ ngày 20/8/2010 của ông K1 bà V1 xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa số 62, tờ bản đồ số 4, tại K, thị trấn B với diện tích 1.058m² đất, kèm theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và hồ sơ kỹ thuật đất cũng thể hiện ông K1 bà V1 sử dụng 1.058m² đất thửa đất số 62, tờ bản đồ số 4 (BL 94, 95). Đơn xin cấp GCNQSDĐ của ông H bà T ngày 20/8/2010 thể hiện ông H bà T xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa đất số 65, tờ bản đồ số 4, tại K, thị trấn B với diện tích 2.515 m² đất, kèm theo bản mô tả ranh giới, đơn xin giao đất làm nhà ở. Hồ sơ kỹ thuật đất cũng thể hiện ông H bà T sử dụng diện tích 2.515 m² đất tại thửa số 65, tờ bản đồ số 4 (BL 77, 78).

Từ năm 2012 đến nay giữa hộ ông H và hộ ông K1 luôn xảy ra tranh chấp nhưng ngày 19/4/2016 UBND huyện V lại cấp GCNQSDĐ cho ông K1 bà V1 với diện tích 1.114m² là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

Ngày 29/7/2016, UBND thị trấn B, khóm K lập biên bản thoả thuận giữa hộ ông H bà T và ông K1 bà V1 về việc hai hộ thống nhất ranh giới, vị trí, địa điểm để ông K1 bà V1 xây tường rào. Theo khoản 2 Điều 176 BLDS quy định thì tường rào là mốc giới ngăn cách giữa các hộ gia đình và thuộc sở hữu chung. Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2018 (BL 184) thể hiện ông K1 bà V1 đã xây tường rào kiên cố, cao 1,8m hết chiều dài đất của ông K1 bà V1 để ngăn cách hai hộ. Hiện trạng thực tế hộ ông H bà T sử dụng diện tích 2.497m² đất; ông K1 bà V1 sử dụng 1.091m².

Từ những phân tích và nhận định trên cho thấy quá trình cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 308896 ngày 19/4/2016 của UBND huyện V cấp cho hộ ông K1 bà V1 vi phạm về trình tự thủ tục và nội

dung, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, xử huỷ GCNQSDĐ số CD 308896 ngày 19/4/2016 của UBND huyện V cấp cho ông K1 bà V1 là có căn cứ và đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông K1 bà V1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (về phần đình chỉ yêu cầu của ông Hoàng Văn H và bà Trần Thị T đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 1898/QĐ-UBND; về kiến nghị UBND huyện V; về án phí hành chính sơ thẩm) không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông K1 bà V1 phải chịu án phí phúc thẩm hành chính theo quy định tuy nhiên ông K1 bà V1 là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm hành chính theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn K1 và bà Đinh Thị V1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ khoản 1 Điều 100, khoản 1 Điều 101; khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013; Điểm c khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 về án phí lệ phí:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, bà Trần Thị T, tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 308896 ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Hồ Văn K1, bà Đinh Thị V1, diện tích 1.114 m².

Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Hồ Văn K1 và bà Đinh Thị V1 được miễn án phí phúc thẩm hành chính nên được hoàn trả số tiền đã nộp 300.000 đồng tại phiếu thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 000577 ngày 5/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị (về phần đình chỉ yêu cầu của ông Hoàng Văn H, bà Trần Thị T đối với yêu cầu huỷ Quyết định 1898/QĐ-UBND ngày 4/6/2013 của UBND huyện V; về phần kiến nghị UBND huyện V; về án phí hành chính sơ thẩm) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường